

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1056/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24-11-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán:

1/ Bà **Châu Thị Diệp**

2/ Bà **Hoàng Thị Bích Duyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mộng Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2020/TLPT-HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “Ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 927/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5396/2020/QĐ-PT ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1965

Địa chỉ: 121C Đường G, phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ : 121C Đường G, phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 26/02/1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh D.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp về tính tình, không cùng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống; đặc biệt là trong cách nuôi dạy con

cái. Ông đã nhiều lần góp ý để bà H thay đổi nhưng không có kết quả. Vì không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Hiện ông không còn tình cảm với vợ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

Về con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 09/01/2000 và Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Sau khi kết hôn, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc vì ông Q là người sống có trách nhiệm với gia đình, quan tâm, lo lắng, thương yêu vợ con. Vì tính chất công việc, ông Q thường xuyên phải đi công tác xa, bà ở nhà hết lòng chăm lo cho con cái, buôn bán quần áo, mua bán đất đai tạo lập tài sản để lo cho tương lai của các con và tạo điều kiện cho ông Q yên tâm công tác. Nhưng thời gian gần đây, tính tình ông Q thay đổi khi về nhà thường cãi nhau, đe dọa, quát mắng thậm chí bạo hành bà. Theo bà tìm hiểu và được biết ông Q bị bạn bè, người thân kích động khi không có con trai nên mới về nhà tỏ thái độ với bà nhằm mục đích ly hôn. Bà nhận thấy việc không sinh được con trai không phải do lỗi của bà. Từ khi kết hôn đến nay, bà hy sinh tất cả những vấn đề thuộc về cá nhân bà để lo cho gia đình, chồng con. Bà chưa làm bất cứ điều gì có lỗi với ông Q, mặt khác bà muốn con cái bà phải có đầy đủ cha mẹ để các cháu yên tâm học hành và cho đến khi các cháu kết hôn. Ý kiến của bà là muốn hòa giải chứ không muốn ra TÒa xét xử vì mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, bà không đồng ý đối với yêu cầu ly hôn của ông Q. Trường hợp ông Q kiên quyết yêu cầu được ly hôn thì ông Q phải là người yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo hướng:

- Căn nhà số 113/1/10 đường N, phường P, Quận V hiện đang cho thuê thì vẫn tiếp tục cho thuê để lo cho các con ăn học.

- Căn nhà số 21C Đường G, phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đã xuống cấp và hư hỏng nhiều nên ông Q phải tạo điều kiện cho bà xây lại căn nhà thành 02 căn, bà ở căn đầu, ông Q ở căn phía sau, bà sẽ dành 01m đường đi vào căn nhà sau cho ông Q.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 927/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận V đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 do UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh D cấp ngày 26 tháng 02 năm 1997 không còn hiệu lực.

2 Về nuôi con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 09/01/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003.

Giao trẻ Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đồng/tháng cho đến khi trẻ Nguyễn

Thuy A đủ 18 tuổi. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Q được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/8/2020 và ngày 24/8/2020, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 927/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Về tài sản chung, tự đôi bên thỏa thuận phân chia.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về quan hệ hôn nhân, không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng 2 – 3 năm gần đây, bà không biết vì sao ông Q hay nóng tính, gắt gỏng với bà. Tuy nhiên, bà vẫn cố gắng chịu đựng để chăm sóc chồng, lo cho con đến tuổi trưởng thành. Vợ chồng vẫn tiếp tục cuộc sống chung chứ không ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng người con Nguyễn Thuy A, sinh ngày 01/10/2003. Ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000đồng cho đến khi người con đủ 18 tuổi như án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Kháng cáo của bà H còn trong thời hạn luật định. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

Về nội dung: Theo các chứng cứ trong hồ sơ thì ông Q khai mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và đã sống ly thân từ năm 2006 do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp về mọi mặt. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung. Tại phiên tòa, bà H không đưa ra được biện pháp gì để đoàn tụ gia đình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1997, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh D cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, quyển số 01 ngày 26/02/1997. Như vậy hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng duy trì hôn nhân hạnh phúc bình thường được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai ông Q thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2006, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ông đã nhiều lần góp ý để bà H thay đổi nhưng không có kết quả. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, ông không thể tiếp tục cuộc sống chung với bà H.

Bà H cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà trầm trọng nhất là do ông Q bị bạn bè kích động khi không có con trai nên mới thường xuyên đe dọa, quát mắng, bạo hành với bà nhằm mục đích để ly hôn chứ tình cảm vợ chồng không còn. Bà không đồng ý ly hôn vì bà hết lòng chăm lo cho gia đình, bà muốn con cái có cha mẹ cho đến khi các cháu kết hôn.

Hội đồng xét xử xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Qua lời khai nhận của các đương sự, nhận thấy: thực tế cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể dung hòa được mà càng kéo dài càng gay gắt. Từ khi ông Q nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, bà H không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có biện pháp tích cực để đoàn tụ gia đình mà vẫn mạnh ai nấy sống, không còn sự yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những mâu thuẫn thực tế trong gia đình, căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống, căn cứ vào tình nghĩa giữa vợ chồng để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q là có cơ sở. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ

Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H không đồng ý ly hôn với ông Q giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

Về con chung: Lời khai đôi bên thống nhất có 02 người con tên Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 09/01/2000 và Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003. Mặc

dù tại Bản tự khai ngày 18/3/2020, người con Nguyễn Thuỳ A có nguyện vọng được ở với ông Q nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự để giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000đồng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi. Đối với người con chung Nguyễn Thuỳ T đã thành niên, Tòa án không xem xét, giải quyết khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q và bà H thống nhất với việc giải quyết nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con như án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử giữ nguyên.

Về tài sản chung: án sơ thẩm chưa giải quyết, giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ kiện khác khi có tranh chấp. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Q phải chịu, án phí dân sự phúc thẩm bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật án phí và lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 do UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh D cấp ngày 26 tháng 02 năm 1997 không còn hiệu lực.

2. Về nuôi con chung: có 02 người con chung tên Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 09/01/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003.

Giao trẻ Nguyễn Thuỳ A, sinh ngày 01/10/2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 7.000.000đồng/tháng cho đến khi trẻ Nguyễn Thuỳ A đủ 18 tuổi. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Q được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) ông Nguyễn Văn Q phải chịu, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Q đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0025126 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, căn trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0026834 ngày 25/8/2020, bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

Châu Thị Diệp

Trần Thị Nhung



Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận V, TPHCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự Quận V, TPHCM;
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh D;
- Đường sự;
- Lưu.



Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

Nguyễn Chí Cao

Trần Thị Nhung

